

# Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.

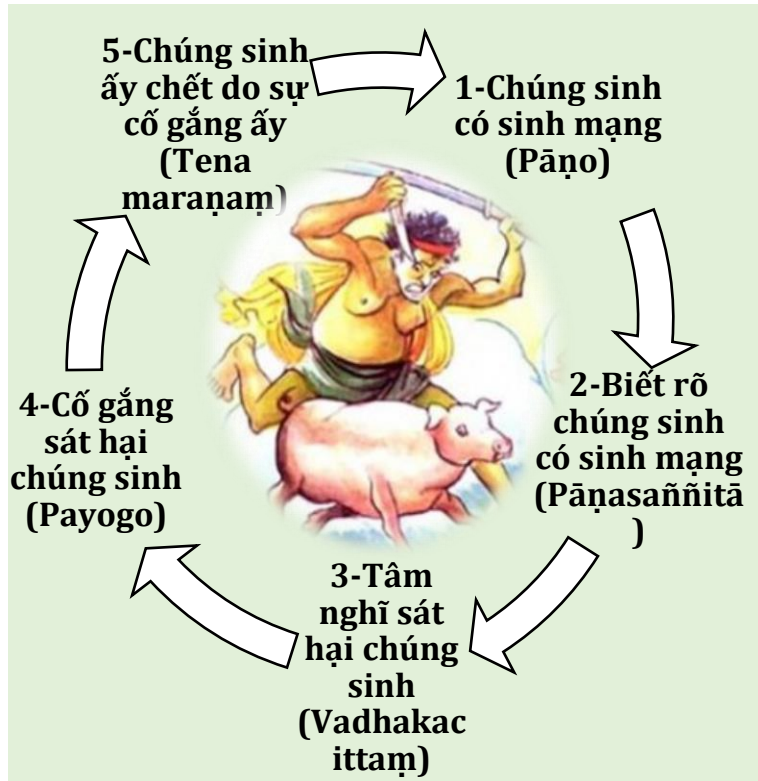
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát sinh.

## 1-Điều Giới Tránh Xa Sự Sát Sinh

Trích từ cuốn PHÁP HÀNH GIỚI  
Soạn giả: Tỳ Khuru Hộ Pháp  
Dhammarakkhita Bhikkhu  
(Bậc Aggamahāpaṇḍita)

- + **Pāṇā**: Chúng sinh, tất cả mọi sinh vật có sinh mạng.
- + **Atipātā**: Rơi mau, lia mau.
- + **Veramaṇī**: Tác ý tránh xa.
- + **Sikkhāpadam**: Điều giới, giới.
- + **Samādiyāmi**: Con xin thọ trì.

Trường hợp chúng sinh có thể duy trì, kéo dài sinh mạng thêm cho đến hết tuổi thọ, đến mãn nghiệp hỗ trợ..., nhưng chúng sinh ấy bị người khác giết hại, cắt đứt dòng sinh mạng trước thời gian hạn định tuổi thọ của chúng sinh ấy, đó gọi là *pāṇātipātā*: Giết hại chúng sinh. (Nếu người có tác ý bất thiện giết hại chúng sinh hợp đủ chi pháp của điều giới sát sinh, thì người ấy phạm điều giới sát sinh).



(Nếu hội đầy đủ 5 chi pháp này, thì gọi là phạm điều giới sát sinh. Nếu thiếu 1 trong 5 chi, thì không thể gọi là phạm điều giới sát sinh.)

**1-Chúng sinh là những sinh vật có sinh mạng;** có nhiều loại chúng sinh khác nhau, dù nhỏ dù lớn, mỗi chúng sinh cũng đều có sinh mạng. Sinh mạng này phát sinh từ nghiệp; do đó, các loài thực vật, cây cỏ, núi non, đất, nước, lửa, gió, v.v... đều không có sinh mạng. Danh từ gọi “chúng sinh” còn sinh mạng, theo Chân nghĩa pháp, chúng sinh ấy còn có đủ sắc mạng chủ (jīvitindriyarūpa) và danh mạng chủ (jīvitindriyanāma). Nếu chúng sinh ấy không còn có sinh mạng (sắc mạng chủ), thì gọi là thi thể, xác chết,...

**3-Tâm nghĩ sát hại chúng sinh**  
**a-Bằng thân:** Tự chính mình sát hại chúng sinh.  
**b-Bằng khẩu:** Sai khiến người khác sát hại chúng sinh.

**5-Chúng sinh ấy chết do sự cố gắng ấy:** Sát sinh nghĩa là cắt đứt **sắc mạng chủ** thuộc sắc pháp của kiếp chúng sinh ấy. Còn **danh mạng chủ** thuộc danh pháp vẫn sinh rồi diệt liên tục kế tiếp kiếp sau, tùy theo nghiệp cho quả tái sinh.

**2-Biết rõ chúng sinh có sinh mạng: Sắc mạng chủ** có trạng thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, đồng thời có phạm sự bảo hộ, duy trì thân thể sinh mạng của mỗi chúng sinh liên tục không gián đoạn suốt mỗi kiếp (sắc mạng chủ hạn chế trong mỗi kiếp). **Danh mạng chủ** có trạng thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, có phạm sự bảo hộ danh pháp (tâm và tâm sở) từ kiếp này sang kiếp khác, thay đổi do năng lực quả của nghiệp trong mỗi kiếp, từ vô thủy cho đến kiếp hiện tại theo các lộ trình tâm, cho đến khi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

- 4-Cố gắng sát hại chúng sinh**
1. **Tự mình** sát hại chúng sinh.
  2. **Sai khiến người khác** bằng thân, khẩu
  3. **Dùng vũ khí** sát hại chúng sinh, **phương tiện**
  4. **Làm ra vũ khí, phương tiện.** Khi chúng sinh chết vì vũ khí ấy thì phạm vào sát sinh
  5. **Sử dụng bùa chú, phù phép, trừ ếm, v.v...** làm cho chúng sinh ấy chết.
  6. **Sử dụng phép màu** của mình sát hại chúng sinh.

## Tội Nặng – Tội Nhẹ Của Sự Sát Sinh

- **Chúng sinh có thân hình lớn – thân hình nhỏ:**
- **Chúng sinh có giới đức – không giới đức:**
  - Nếu sát hại con người, thì tội nặng hơn sát hại loài súc vật.
  - Nếu sát hại người có giới, thì tội nặng hơn sát hại người không có giới.
  - Nếu sát hại bậc Thánh Nhân, thì tội nặng hơn sát hại hạng phàm nhân.
  - Nếu sát hại Thánh Nhân bậc cao, thì tội nặng hơn sát hại Thánh Nhân bậc thấp.
  - Nếu sát hại bậc Thánh Arahán, cha, mẹ của mình, thì tội nặng nhất, vì phạm trọng tội thuộc ác nghiệp vô gián (*anantariyakamma*), sau khi chết, chắc chắn ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci (không có nghiệp nào có thể ngăn cản được); chịu khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác nghiệp ấy mới mong thoát khỏi cõi địa ngục.
- **Tự Sát**

Người tự sát thiếu chi pháp thứ nhì “*Paṇasaññitā*”: “*Biết rõ chúng sinh ấy có sinh mạng*” này ám chỉ đến chúng sinh khác, không phải chính mình. Nên không pháp giới sát sinh

  - Ví dụ: Trường hợp *Tỳ khuru Channa* dùng dao cắt cổ tự sát, trước khi chết Ngài thực hành thiền tuệ dẫn đến đạo quả A La Hán chứng ngộ Niết Bàn
  - Tuy người tự tử không phạm điều giới sát sinh, nhưng nếu người tự sát do tâm sân chán đời, tuyệt vọng không muốn sống trên đời này nữa, thì sau khi người ấy chết, ác nghiệp do tâm sân ấy cho quả, thì khó có thể tránh khỏi tái sinh trong cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh).

## Những Trường Hợp Liên Quan Đến Sự Chết

- **Người hy sinh sinh mạng vì một mục đích cao thượng, với thiện tâm thiện chí của mình.**

Một vị *Tỳ khuru* hành đạo sống ở trong rừng. Một hôm bọn cướp gặp Ngài, chúng cho là điều xui xẻo sẽ xảy đến với chúng. Sợ xui, nên chúng bắt trời Ngài bằng một sợi dây rừng đang còn tươi và đặt Ngài nằm tại nơi ấy, rồi bỏ đi. Khu rừng chẳng may xảy ra vụ hỏa hoạn, đám cháy dần dần lan đến chỗ Ngài. Ngài suy nghĩ rằng:

*“Nếu ta muốn lánh khỏi nạn, thì phải làm cho sợi dây rừng bị đứt; như vậy ta sẽ bị phạm điều giới pācittiya. Sự chết là điều chắc chắn sẽ xảy đến với ta, không sao tránh khỏi được (nghĩa là tránh khỏi chết hôm nay, sau này cũng phải chết). Thà rằng, hôm nay ta chịu hy sinh sinh mạng, quyết giữ gìn giới mà Đức Phật đã chế định đến Tỳ khuru”.*
- **Để thành tựu pháp hạnh ba-la-mật bậc thượng nào, Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác cần phải hy sinh sinh mạng của mình để hoàn thành pháp hạnh ba-la-mật ấy.** Như vậy, sự hy sinh sinh mạng của chư Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác, vì mục đích cao thượng, để thành đạt nguyện vọng trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, với thiện tâm thiện chí trong sạch và cao cả, thì không thể gọi là phạm điều giới sát sinh.

## Phạm Điều Giới Sát Sinh Tạo Ác Nghiệp Trọng Tội

- **Những trường hợp phạm tội giết cha, giết mẹ:**
  - Giết cha, mẹ trong đêm tối tưởng nhầm là kẻ trộm.
  - Giết cha, mẹ vì không biết mặt do bị bỏ rơi từ nhỏ.
  - Giết cha, mẹ do cha, mẹ chuyển giới tính mà không biết.
  - Giết cha hoặc mẹ, hoặc cha mẹ là loài súc sinh thì phạm tội sát sinh nhưng không phạm tội giết cha giết mẹ.
- **Những trường hợp không phạm tội giết cha, giết mẹ, nhưng phạm tội sát sinh**
  - Người con là loài người, còn cha là loài súc sinh và mẹ là loài người (trường hợp Công tử *Sihabāhu* xứ *Srilankā*, là con của một Công chúa và một Sư tử chúa).
  - Người con là loài người, còn mẹ là loài súc sinh và cha là loài người (trường hợp Đạo sĩ *Migasīga* là con của con nai và một vị Đạo sĩ).
  - Con là loài súc sinh, cha mẹ cũng là loài súc sinh.
- **Những trường hợp phạm tội giết bậc Thánh Arahán:**

Một người đánh đập hành hạ một hành giả còn là phàm nhân đang thực hành thiền tuệ, bị thương nặng. Hành giả ấy tiếp tục thực hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, đồng thời tịch diệt Niết Bàn, bởi vì bị thương nặng. Người đánh đập hành hạ ấy phạm tội giết bậc Thánh Arahán, thuộc ác nghiệp vô gián trọng tội.

## Thuốc diệt vi khuẩn – vi trùng

- Trong số 28 sắc pháp; **sắc mạng chủ** (*jīvitindriyarūpa*) phát sinh do nghiệp. Các loài vi khuẩn, vi trùng, các loài cây cỏ phát sinh do **utu**: *Thời tiết* và **āhāra**: *Vật thực, ... Do đó, diệt vi khuẩn, diệt vi trùng, chặt cây, cỏ không phạm điều giới sát sinh.*
- **Trường hợp đàn bà uống thuốc ngừa thai, diệt tinh trùng của đàn ông... không phạm điều giới sát sinh.**
- **Nhưng nếu trường hợp người đàn bà uống thuốc có tác ý ác phá thai, thì người đàn bà ấy phạm điều giới sát sinh,** phạm tội giết con; bởi vì thai nhi sẽ là một đứa con. Thật ra, khi tâm tái sinh đầu thai vào lòng mẹ đầu tiên, có tâm quả tái sinh cùng với 3 sắc pháp là **sắc thân** (*kāya*), **sắc nam tính** hoặc **sắc nữ tính** (*bhava*) và **sắc ý căn** (*hadayavatthu*) nơi nương nhờ của tâm quả. Như vậy, *ngay khi đầu thai* đã hình thành *một chúng sinh*, một thai nhi tuy còn rất nhỏ, có đủ *ngũ uẩn* (3 sắc pháp thuộc *sắc uẩn*, tâm quả tái sinh gồm có 4 *danh uẩn*).
- **Còn trường hợp người mẹ bị sẩy thai ngoài ý muốn, thì người mẹ không bị phạm điều giới sát sinh,** vì thiếu chi pháp tác ý ác sát hại chúng sinh.

**Trong Chú giải Khuddakapātha giảng giải về 23 QUẢ XẤU CỦA ÁC NGHIỆP SÁT SINH từ kiếp quá khứ như sau:**

- 1- Có thân hình tật nguyên.
- 2- Có thân hình không cân đối, xấu xí.
- 3- Là người chậm chạp.
- 4- Có lòng bàn tay, và dưới lòng bàn chân lõm sâu (không đều đặn).
- 5- Có thân hình xấu xí, đầy sẹo.
- 6- Có sắc diện tối tăm.
- 7- Có da thịt sần sùi.
- 8- Có tính hay sợ hãi.
- 9- Có sức khỏe yếu đuối.
- 10- Có lời nói lặp đi lặp lại, không suôn sẻ.
- 11- Bị mọi người ghét bỏ.
- 12- Có những bộ hạ tùy tùng bị chia rẽ.
- 13- Có tính hay giết mình, hoảng sợ.
- 14- Thường bị tai nạn do khí giới, thuốc độc...
- 15- Là người si mê, ngu dốt.
- 16- Có rất ít bạn bè.
- 17- Có thân hình dị hợm, đáng ghê sợ.
- 18- Có thân hình kỳ dị.
- 19- Hay bệnh hoạn ốm đau.
- 20- Thường sầu não, lo sợ.
- 21- Con cháu thường xa lánh.
- 22- Mỗi kiếp thường bị chết yếu.
- 23- Bị chết do người khác giết.

**Trong Chú giải Khuddakapātha giảng giải 23 QUẢ BÁU CỦA THIÊN NGHIỆP KHÔNG SÁT SINH từ kiếp quá khứ như sau:**

- 1- Có thân hình không tật nguyên, đầy đủ các bộ phận lớn nhỏ trong cơ thể.
- 2- Có thân hình cân đối xinh đẹp.
- 3- Là người nhanh nhẹn.
- 4- Có lòng bàn tay, lòng bàn chân đầy đặn.
- 5- Có thân hình xinh đẹp, không tỳ vết.
- 6- Có da thịt mềm mại, hồng hào.
- 7- Có thân hình sạch sẽ, trong sáng.
- 8- Có tâm dũng cảm, không sợ hãi.
- 9- Có sức khỏe dồi dào.
- 10- Có giọng nói thanh tao, lời nói ngọt ngào, suôn sẻ.
- 11- Được mọi người quý mến.
- 12- Có bộ hạ tùy tùng, bạn bè đoàn kết gắn bó thương yêu nhau.
- 13- Thân tâm được an lạc tự tại, không hoảng sợ.
- 14- Không bị tai nạn do khí giới, thuốc độc....
- 15- Có trí tuệ sáng suốt.
- 16- Có nhiều bạn bè thân thiết.
- 17- Có thân hình đẹp đẽ, đáng quý mến.
- 18- Có các bộ phận lớn nhỏ trong thân thể cân đối đẹp đẽ.
- 19- Là người ít bệnh hoạn ốm đau.
- 20- Là người có tâm thường an lạc.
- 21- Là người thường được sống gần gũi với con cháu yêu quý.
- 22- Là người được trường thọ, sống lâu.
- 23- Không có một ai có thể mưu sát được.

## A-dinnā-dānā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.

### 2-Điều Giới Tránh Xa Sự Trộm Cắp

Trích từ cuốn PHÁP HÀNH GIỚI  
Soạn giả: Tỳ Khưu Hộ Pháp  
Dhammarakkhita Bhikkhu  
(Bậc Aggamahāpaṇḍita)

- + **A:** Không, không được phép.
- + **Dinna:** Cửa cái, tài sản mà chủ nhân cho phép.
- + **Ādānā:** Lấy, chiếm đoạt.
- + **Veramaṇi:** Tác ý tránh xa.
- + **Sikkhāpadam:** Điều giới, giới.
- + **Samādiyāmi:** Con xin thọ trì.

Adinnādānā: Lấy, chiếm đoạt của cải, tài sản mà chủ nhân không cho phép hoặc chủ nhân đang giữ gìn.

Người lấy, chiếm đoạt của cải, tài sản mà người chủ không cho, bằng cách trộm cắp, cướp giết, lường gạt, đánh tráo, v.v... đều bị phạm điều giới trộm cắp.



(\*Nếu hội đủ 5 chi pháp này, thì gọi là phạm điều giới trộm cắp. Nếu thiếu 1 trong 5 chi, thì không thể gọi là phạm điều giới trộm cắp.)

**Cửa cái:** Đó là các thứ tài sản tiền của, vàng bạc châu báu,...; các thú vật như voi, ngựa, trâu, bò,...; các thứ sở hữu trí tuệ,... là những thứ của cải giá trị có chủ.

\* **Tâm nghĩ trộm cắp có 2 cách:**  
**1-Bằng thân,** tự mình chiếm đoạt của cải người khác.  
**2-Bằng khẩu,** dùng lời nói lường gạt, hoặc sai khiến người chiếm đoạt của cải người khác.

\* **Cố gắng trộm cắp có 6 cách:**

- 1-Do chính mình trộm cắp** của cải người khác.
- 2-Sai khiến người trộm cắp** của cải người khác.
- 3-Ném hàng hóa, đồ đạc** qua các trạm thu thuế, cửa khẩu... để trốn thuế.
- 4-Sai khiến người rằng: “Chờ có cơ hội hãy trộm cắp của cải ấy”** không hạn định thời gian.
- 5-Dùng bùa chú, thuốc mê** làm cho người chủ mê muội, rồi chiếm đoạt của cải.
- 6-Dùng thần thông** lấy nước hồ để uống (trường hợp vị Sadi xin nước hồ để uống, Long Vương giữ hồ không cho; vị Sadi này dùng thần thông để lấy nước hồ uống. Trường hợp này không gọi là trộm cắp, vì người chủ là Long Vương giữ hồ, và lượng nước hao tổn không đáng kể).

### \* TỘI NẶNG - TỘI NHẸ CỦA SỰ TRỘM CẤP

Căn cứ vào giá trị của cái, tài sản nhiều hoặc ít; và căn cứ vào chủ nhân có giới đức hoặc không có giới đức.

- 1-Trộm cấp vật có giá trị nhiều, thì tội nặng.
- 2-Trộm cấp vật có giá trị ít, thì tội nhẹ.
- 3-Trộm cấp của bậc xuất gia Sadi, Tỳ khuru, thì tội nặng.
- 4-Trộm cấp của người tại gia cư sĩ, thì tội nhẹ.
- 5-Trộm cấp của cá nhân, thì tội nhẹ.
- 6-Trộm cấp tài sản chung, của nhà nước, thì tội nặng.
- 7-Trộm cấp của bậc Thánh Nhân, thì tội nặng.
- 8-Trộm cấp của hạng phàm nhân, thì tội nhẹ.
- 9-Trộm cấp của chư Tăng, thì tội nặng hơn cả.

### \* 25 CÁCH TRỘM CẤP (HỘI ĐỦ CẢ 5 CHI PHÁP)

#### 1-NĀNĀBHAṆḌA PAÑCAKA: 5 CÁCH TRỘM CẤP CỦA CÁI

**1-1. Ādiyana adinnādāna:** Người thừa kiện ra tòa nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Khi người chủ tài sản nản lòng có ý nghĩ buông bỏ tài sản, người có mưu đồ chiếm đoạt tài sản đã hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

**1-2. Haraṇa adinnādāna:** Người vác hàng thuê nhưng muốn chiếm đoạt hàng. Khi tâm nghĩ trộm cắp phát sinh, người ấy chỉ cần di chuyển của cải ấy như từ vai phải sang vai trái, hoặc từ tay phải sang tay trái đã hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

**1-3. Avaharaṇa adinnādāna:** Nhận giữ hộ tài sản nhưng cố ý chiếm đoạt bằng cách phủ nhận không giữ hộ. Người chủ tài sản nghĩ rằng tài sản đem gửi đã mất thì người giữ hộ đã hội đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

**1-4. Iriyāpatha vikopana adinnādāna:** Khi bắt buộc người chủ tài sản rời xa khỏi tài sản để trộm cướp, chỉ cần người chủ rời đi 1-2 bước, đã hội đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

**1-5. Thānācāvana adinnādāna:** Di chuyển tài sản muốn trộm cắp ra khỏi vị trí ban đầu dù chút ít cùng hội đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp

**2-EKABHAṆḌA PAÑCAKA: 5 CÁCH TRỘM CẤP NHỮNG SINH VẬT CÓ SINH MẠNG.** Giống 5 cách trường hợp 1. Chỉ thay tài sản là vật nuôi hay sinh vật có chủ sở hữu.

#### 3-SAHATTHIKA PAÑCAKA: 5 CÁCH TỰ MÌNH TRỘM CẤP.

**3-1. Sahatthika adinnādāna:** Chính tự mình trộm cắp của cái, tài sản của người khác

**3-2. Āṇattika adinnādāna:** Sai khiến người khác đi trộm cắp của cái, tài sản của người khác. Và người bị sai đi đã trộm cắp của cái, tài sản ấy. Người sai khiến và người bị sai cũng phạm điều giới trộm cắp.

**3-3. Nissaggiya adinnādāna:** Giấu hàng hóa để trốn thuế. Như vậy, người giấu hàng hóa ấy hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

**3-4. Atthasādhaka adinnādāna:** Người ra lệnh cho nhóm bộ hạ tay sai đi trộm cắp của cái của người khác, nếu khi có cơ hội, không hạn định thời gian. Và nhóm bộ hạ đã đi trộm cắp của cái ấy. Người ra lệnh và nhóm bộ hạ cùng phạm điều giới trộm cắp.

**3-5. Dhuranikkhepa adinnādāna:** Người vay mượn tiền của người khác; hoặc nhận lãnh cất giữ tài sản của người khác nhưng chối nói không vay hoặc không giữ. Khi chủ nhân có ý định buông bỏ số tiền, ngay lúc ấy, người vay hoặc giữ hộ tài sản phạm điều giới trộm cắp.

#### 4-PUBBAPAYOYA PAÑCAKA: 5 CÁCH PHẠM ĐIỀU GIỚI TRỘM CẤP TRƯỚC KHI LẤY TRỘM TÀI SẢN, CỦA CÁI CỦA NGƯỜI KHÁC.

**4-1. Pubbapayoya adinnādāna:** Người ra lệnh cho người khác đi trộm cắp rằng: *Bằng mọi cách người phải trộm cắp cho được của cải ấy.* Khi ra lệnh xong, người ấy phạm điều giới trộm cắp ngay khi ấy.

**4-2. Sahapayoya adinnādāna:** Phát sinh tâm trộm cắp, đồng thời cố gắng di chuyển tài sản, của cải ra khỏi chỗ cũ. Hoặc phát sinh tâm lấn chiếm đất đai, đồng thời cố gắng dời cột mốc ranh giới để lấn đất.

**4-3. Saṃvidāvahāra adinnādāna:** Trong nhóm trộm cướp, chỉ cần một người trộm cướp được tài sản thì cả nhóm đều phạm giới trộm cắp.

**4-4. Saṅketakamma adinnādāna:** Sai khiến người khác đi trộm cắp, theo thời gian quy định. Nếu việc trộm cắp xảy ra ngoài thời gian quy định thì người sai khiến không phạm giới trộm cắp, chỉ người bị sai khiến phạm giới trộm cắp. Nếu trong thời gian quy định thì cả hai đều phạm giới trộm cắp.

**4-5. Nimittakamma adinnādāna:** Sai khiến người khác đi trộm cắp, theo hiệu lệnh như vỗ tay, huýt sáo (huýt gió)... Nếu việc trộm cắp xảy ra theo đúng theo hiệu lệnh, thì người sai khiến và người bị sai khiến cùng phạm điều giới trộm cắp. Nếu việc trộm cắp mà không theo hiệu lệnh đã quy định, thì người sai khiến không phạm điều giới trộm cắp; chỉ có người bị sai khiến phạm điều giới trộm cắp.

#### 5-THEYYĀVAHĀRA PAÑCAKA: 5 CÁCH TRỘM CẤP BẰNG CÁCH LỪA BỊP.

**5-1. Theyyāvahāra adinnādāna:** Người bán hàng cần hàng hóa thiếu, bán đồ giả, buôn bán hàng lậu, trốn thuế,... người ấy phạm điều giới trộm cắp.

**5-2. Pasayhāra adinnādāna:** Người dùng vũ khí (súng, dao,...) để hăm dọa người khác, bắt buộc người khác phải trao của cải, vàng bạc,... Người ấy phạm điều giới trộm cắp.

**5-3. Parikappāvahāra adinnādāna:** Người muốn trộm cắp một thứ nào đó, dù đã được thứ ấy, hoặc được một thứ nào khác, mà vẫn hài lòng, thì người ấy phạm điều giới trộm cắp.

**5-4. Paṭicchannāvahāra adinnādāna:** Một người dấu tài sản của người khác đợi thuận lợi mới đem đi khỏi nơi cất dấu. Người chủ tài sản quay lại nơi để tài sản tìm không thấy. Khi người chủ rời khỏi nơi đó rồi, người dấu món đồ ấy phạm điều giới trộm cắp.

**5-5. Kusāvahāra adinnādāna:** Trộm cắp lấy món đồ quý giá của người khác rồi thay thế vào đó món đồ không giá trị của mình hoặc thay tên của mình vào chỗ của người khác....

### \* KHÔNG PHẠM ĐIỀU GIỚI TRỘM CẤP

Trường hợp ông Balamôn Doṇa là người đứng ra làm trung gian phân chia Xá lợi của Đức Phật Gotama cho các nước lớn. Trong khi phân chia Xá lợi Phật, ông Doṇa thỉnh 'Xá lợi Răng Nhọn' giấu kín trên đầu tóc của mình, để tôn thờ. Đức vua Sakka (là Thánh Nhập Lưu) trên cõi trời Tam Thập Tam Thiên nhìn thấy, suy xét rằng: *"Ông Balamôn Doṇa không thể có một ngôi Tháp Bảo xứng đáng để tôn thờ Xá lợi Răng Nhọn của Đức Phật. Ta nên hiện xuống thỉnh Xá lợi Răng Nhọn về cõi trời này"*. Đức vua trời Sakka hiện xuống cõi người, thỉnh 'Xá lợi Răng Nhọn' từ trên đầu tóc ông Doṇa mà ông không hay biết. Đức vua trời Sakka thỉnh về tôn thờ trong ngôi Bảo Tháp Cūlāmaṇī tại cõi trời Tam Thập Tam Thiên, để cho toàn thể chư thiên lễ bái cúng dường.



**\* Trong Chú giải Khuddakapātha giảng giải về 11 QUẢ XẤU CỦA ÁC NGHIỆP TRỘM CẮP từ kiếp quá khứ như sau:**

- 1- Không thể có những thứ của cải quý giá.
- 2- Thiếu thốn những nhu yếu phẩm như lúa gạo, tiền bạc, đồ dùng, v.v...
- 3- Là người nghèo khổ túng thiếu của cải.
- 4- Không phát triển được những thứ của cải mới.
- 5- Khi làm ra được của cải quý giá, thì không giữ gìn được lâu dài.
- 6- Không thể có được thứ của cải mà mình mong muốn.
- 7- Khi có được của cải, thì thường bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, do nước lũ cuốn trôi, do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, do nhà Vua tịch thu...
- 8- Của cải được phát triển, thì cũng liên quan đến nhiều người, không riêng cho mình được.
- 9- Là người không thể nào chứng đắc được pháp Siêu tam giới (4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả và Niết Bàn).
- 10- Là người thường nghe đến danh từ 'không có'.
- 11- Là người sống không được an lạc.

**\* Trong Chú giải Khuddakapātha giảng giải về 11 QUẢ BÁU CỦA THIỆT NGHIỆP không trộm cắp từ kiếp quá khứ như sau:**

- 1- Là người có nhiều của cải quý giá, giàu sang.
- 2- Có đầy đủ của cải, tài sản như lúa gạo, vàng bạc, châu báu,...
- 3- Là người có nhiều của cải, tài sản lớn lao, giàu sang phú quý, tiêu dùng không sao hết được.
- 4- Của cải nào chưa phát sinh, thì của cải ấy sẽ được phát sinh và càng phát triển nhiều.
- 5- Những thứ của cải quý giá nào như vàng bạc, ngọc ngà, châu báu, ... đã có rồi, thì những thứ của cải quý giá ấy được giữ gìn duy trì bền vững lâu dài.
- 6- Mong muốn những thứ của cải quý giá nào, thì chắc chắn mau chóng thành tựu như ý.
- 7- Những thứ của cải, tài sản lớn lao của người ấy, không bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, do nước lũ cuốn trôi, do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, do nhà Vua tịch thu, do người không ưa thích đoạt lấy...
- 8- Của cải được phát triển, không liên quan đến người khác, chính mình sở hữu.
- 9- Là người có thể chứng đắc được pháp Siêu tam giới (4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả và Niết Bàn).
- 10- Là người không thường nghe đến danh từ 'không có', bởi vì muốn thứ nào, thì có ngay thứ ấy.
- 11- Là người sống được an lạc.

# Kāmesu-micchā-cārā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà dâm.

## 3- Điều Giới Tránh Xa Sự Tà Dâm

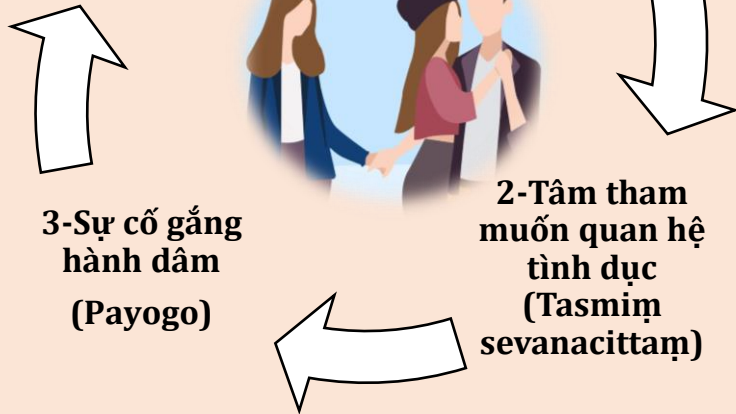
Trích trong cuốn PHÁP HÀNH GIỚI  
Soạn giả: Tỷ Khuru Hộ Pháp  
Dhammarakkhita Bhikkhu  
(Bậc Aggamahāpaṇḍita)

- + **Kāmesu:** Trong sự hành dâm.
- + **Micchā:** Tà, bất chính.
- + **Cara:** Hành vi.
- + **Veramaṇi:** Tác ý tránh xa.
- + **Sikkhāpadaṃ:** Điều giới, giới.
- + **Samādiyāmi:** Con xin thọ trì.

*Những người đàn ông hoặc người đàn bà nào có hành vi tà, bất chính xấu xa trong quan hệ tình dục, mà không phải là vợ chồng của nhau, những người ấy bị phạm điều giới tà dâm. Nếu hai người là vợ chồng của nhau đúng theo phong tục tập quán, được sự công nhận của hai bên cha mẹ, bà con dòng họ, chính quyền chấp thuận, mọi người công nhận... thì sự quan hệ tình dục giữa hai vợ chồng với nhau là việc bình thường của người đời, không bị chê trách. Người phạm điều giới tà dâm chỉ tạo thân ác nghiệp hoặc thân hành ác mà thôi, không liên quan đến khẩu và ý.*

4-Tâm thỏa thích  
trong sự tiếp xúc  
giữa hai bộ phận  
sinh dục nam -  
nữ với nhau  
(Maggena-  
maggapaṭipatti  
addhivāsam).

1-Đối tượng nữ  
không được  
quan hệ tình  
dục  
(Agamaniyavatt  
hu)



*(Nếu hội đầy đủ 4 chi pháp này, thì gọi là phạm điều giới tà dâm. Nếu thiếu 1 trong 4 chi, thì không thể gọi là phạm điều giới tà dâm.)*

### CON TRAI, ĐÀN ÔNG KHÔNG ĐƯỢC QUAN HỆ TÌNH DỤC VỚI 20 HẠNG CON GÁI, ĐÀN BÀ SAU ĐÂY:

1. Con gái có mẹ trông nom
2. Con gái có cha trông nom
3. Con gái có mẹ cha trông nom.
4. Con gái có chị hoặc em gái trông nom.
5. Con gái có anh hoặc em trai trông nom.
6. Con gái có bà con trông nom.
7. Con gái có dòng họ trông nom
8. Con gái hành phạm hạnh có thầy, bạn trông nom.
9. Con gái đã được Đức vua hoặc người có quyền thế đến mai mối rồi.
10. Con gái đã nhận lễ hứa hôn (lễ ăn hỏi) của đấng trai.
11. Con gái đã được một người đàn ông chuộc về làm vợ.
12. Con gái đã ưng thuận đi theo người mình yêu, để làm vợ.
13. Con gái đã ưng thuận làm vợ của một người đàn ông với hy vọng có được của cải.
14. Con gái đã ưng thuận làm vợ của một người đàn ông với hy vọng có được đồ trang sức.
15. Con gái đã làm lễ thành hôn với một người đàn ông đúng theo phong tục tập quán.
16. Con gái nghèo buôn bán, đã được một người đàn ông thương yêu, rồi đem về nuôi, để làm vợ (con gái không còn buôn bán nữa).
17. Con gái là tù nhân đã được người đàn ông lấy làm vợ.
18. Con gái làm trong công sở đã được người chủ sở lấy làm vợ.
19. Con gái tôi tớ trong nhà đã được người chủ nhà lấy làm vợ.
20. Con gái chịu làm vợ trong thời gian ngắn (như các cô kỹ nữ).

## TỘI NẶNG - TỘI NHẸ CỦA SỰ TÀ DÂM

1. Tà dâm với người có giới đức, thì phạm tội nặng.
2. Tà dâm với người không có giới đức, thì phạm tội nhẹ.
3. Tà dâm bằng cách hiếp dâm, dù với người không có giới, thì vẫn phạm tội nặng.
4. Tà dâm giữa hai bên nam nữ cùng thỏa thích với nhau, thì phạm tội nhẹ.
5. Tà dâm với bậc Thánh Nhân, thì phạm tội nặng hơn phạm điều giới tà dâm với hạng phàm nhân.
6. Tà dâm với bậc Thánh Nhân càng cao, thì phạm tội càng nặng.
7. Người hiếp dâm bậc Thánh nữ Arahán, thì phạm tội nặng nhất. (Như trường hợp tên Nanda hiếp dâm Ngài Đại đức Tỳ khuru ni Uppalavaṇṇā, là bậc Thánh Arahán. Tên Nanda đã phạm tội nặng làm cho mặt đất nứt nẻ ra hút gã vào sâu trong lòng đất. Sau khi chết, do ác nghiệp ấy cho quả tái sinh vào cõi đại địa ngục Avīci, chịu khổ cực suốt thời gian lâu dài.)

**1-Vấn:** Trong đời, nếu đàn ông đã có người vợ cả rồi, còn có thêm người vợ lẽ nữa. Như vậy, người đàn ông ấy có phạm điều giới tà dâm hay không?

**Đáp:** Người đàn ông ấy phạm điều giới tà dâm, và cũng có thể không phạm điều giới tà dâm.

### a) Trường hợp phạm điều giới tà dâm:

Người đàn ông đã có người vợ cả, rồi lén lút ngoại tình, yêu một người đàn bà khác như một nhân tình hoặc như người vợ lẽ, và có quan hệ tình dục bất chính. Vậy người đàn ông ấy đã tự trộm cắp thể xác của mình đã có vợ cả làm chủ, đem trao cho người đàn bà khác. Do đó, người đàn ông ấy phạm điều giới tà dâm.

### b) Trường hợp không phạm điều giới tà dâm:

Người đàn ông đã có người vợ cả rồi, người vợ cả không có con để nối dòng dõi. Người đàn ông ấy muốn có người vợ lẽ. Chính người vợ cả sẽ đi hỏi cưới người đàn bà khác đem về cho chồng mình làm người vợ lẽ. Như vậy, người vợ cả đã đồng ý chia quyền làm chủ thể xác của người chồng cho người vợ lẽ. Cho nên, người chồng được phép quan hệ tình dục với người vợ lẽ, mà không phạm điều giới tà dâm.

## 2-Vấn: Trường hợp đồng tính luyện ái có phạm điều giới tà dâm hay không?

**Đáp:** Đối với người tại gia cư sĩ, nếu hai người đàn ông độc thân với nhau, hoặc hai người đàn bà độc thân với nhau, thì họ không phạm điều giới tà dâm. Nhưng đó là hành động xấu xa đáng chê trách; bởi vì, theo phong tục tập quán của người đời không chấp nhận những hành vi như vậy. Còn đối với bậc xuất gia, nếu hành động như vậy, thì chắc chắn phạm điều giới hành dâm, không còn phạm hạnh của bậc xuất gia nữa.

## 3-Vấn: Người đàn bà hoặc người đàn ông có quan hệ tình dục với loài gia súc (chó, khỉ,...) có phạm điều giới tà dâm hay không?

**Đáp:** Trong trường hợp ấy, có thể phạm điều giới tà dâm và cũng có thể không phạm điều giới tà dâm.

### a) Trường hợp phạm điều giới tà dâm:

Nếu người đàn bà nào đã có chồng, hoặc người đàn ông nào đã có vợ rồi, mà có quan hệ tình dục với loài gia súc (chó, khỉ...), thì người đàn bà ấy hoặc người đàn ông ấy phạm điều giới tà dâm.

Trong Tạng Luật, phần giới Tỳ khuru có một Tỳ khuru phạm điều giới hành dâm với con khỉ cái. Do đó, Đức Phật chế định thêm vào điều giới: “Tỳ khuru nào hành dâm với người hoặc loài súc sinh; Tỳ khuru ấy bị phạm điều giới pārajika (bất cộng trụ) mất phạm hạnh Tỳ khuru”.

Đối với người tại gia cư sĩ độc thân (không có vợ hoặc không có chồng), mà hành dâm với loài gia súc (chó, khỉ,...) có chủ, là phạm điều giới tà dâm.

### b) Trường hợp không phạm điều giới tà dâm:

Người tại gia cư sĩ độc thân (không có vợ hoặc không có chồng) nếu hành dâm với loài gia súc (chó, khỉ,...) vô chủ, thì không phạm điều giới tà dâm. Nhưng đó là một hành vi đáng xấu hổ, trái với luân thường đạo lý, đáng chê trách; bởi vì không phù hợp với phong tục tập quán trong đời.

- Sự hành dâm là sự quan hệ tình dục giữa nam và nữ, đó là việc thường xảy ra đối với chúng sinh trong cõi dục giới.

- Bậc thiện trí hành phạm hạnh có tác ý tránh xa sự hành dâm. Nếu người cận sự nam, cận sự nữ thọ trì 8 giới uposatha-sīla, thì trong những ngày giới hằng tháng, họ tránh xa sự hành dâm với vợ hoặc chồng trong những ngày giới ấy.

- Những tu nữ hoặc những người sống trong chùa hành phạm hạnh thọ trì 8 giới uposathasīla, thì họ tránh xa sự hành dâm suốt đời.

- Những bậc xuất gia là Sadi, Tỳ khuru hành phạm hạnh tránh xa sự hành dâm trọn đời.



## \* VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TÀ DÂM

**1-Người đàn bà nào đã có chồng**, nghĩa là người đàn bà đã có người đàn ông làm chủ và cũng đã chấp nhận làm vợ của người đàn ông ấy rồi. Như vậy, phần thể xác của cô đã có chủ, cô có phận sự giữ gìn thể xác của mình, chỉ dành cho người chồng của cô mà thôi. *Nếu cô ấy ngoại tình, yêu một người đàn ông khác, và có quan hệ tình dục với người đàn ông ấy, thì cô đã tự trộm cắp thể xác đã có chủ đem trao cho người đàn ông khác, cho nên cô ấy phạm điều giới tà dâm.*

**2-Người đàn ông đã có vợ**, nghĩa là người đàn ông đã có một người đàn bà làm chủ và cũng đã chấp nhận làm chồng của cô ấy rồi. Như vậy, phần thể xác của ông ấy đã có chủ, ông ấy có phận sự giữ gìn thể xác của mình, chỉ dành cho người vợ của mình mà thôi. *Nếu ông ấy ngoại tình, yêu một người đàn bà nào khác, và có quan hệ tình dục với người đàn bà ấy, thì ông đã tự trộm cắp thể xác đã có chủ đem trao cho người đàn bà khác, cho nên ông ấy phạm điều giới tà dâm*

## \* Trong Chú giải Khuddakapātha giảng giải về 20 QUẢ XẤU CỦA ÁC NGHIỆP TÀ DÂM từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- Là người có nhiều người oan trái.
- 2- Là người có nhiều người thù ghét.
- 3- Là người nghèo khổ, thiếu thốn.
- 4- Là người ngủ không được an lạc.
- 5- Là người thức không được an lạc.
- 6- Là người không tránh khỏi 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, naga quý, súc sinh).
- 7- Là người ái nam, ái nữ (không phải đàn ông, cũng không phải đàn bà).
- 8- Là người có tính hay nóng giận.
- 9- Là người sinh vào dòng họ thấp hèn, hạng người thấp hèn.
- 10- Là người có tính không minh bạch, hay che giấu tội lỗi.
- 11- Là người có thân hình tật nguyên, xấu xí.
- 12- Là người có sắc diện mặt mày sần nã, khổ tâm.
- 13- Là người bị mọi người coi thường khinh bỉ, không tin tưởng.
- 14- Là người khuyết tật: Đui mù, câm điếc,...
- 15- Sinh làm người đàn bà (tiền kiếp là người đàn ông).
- 16- Là người có nhiều chứng bệnh đáng ghê sợ.
- 17- Là người không biết đủ, sống khổ cực.
- 18- Là người sống nơi nào cũng không được an lạc.
- 19- Là người gặp nhiều tai hại, oan trái với mọi người.
- 20- Là người sống xa người thân yêu, hay bị ruồng bỏ.

## \* Trong Chú giải Khuddakapātha giảng giải về 20 QUẢ BÁU TỐT CỦA THIỆN NGHIỆP KHÔNG TÀ DÂM từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- Là người không có người oan trái.
- 2- Là người được mọi người thương yêu quý mến.
- 3- Là người có nhiều của cải giàu sang phú quý.
- 4- Là người ngủ được an lạc.
- 5- Là người thức được an lạc.
- 6- Là người có thể tránh được 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, naga quý, súc sinh).
- 7- Sinh làm người đàn ông hoàn toàn 100%.
- 8- Là người có tính ôn hòa, ít nóng giận.
- 9- Là người sinh ra trong dòng họ cao quý, có tính khiêm nhường.
- 10- Là người có tính minh bạch rõ ràng, không che giấu tội lỗi.
- 11- Là người không có tật nguyên, có thân hình xinh đẹp, đáng ngưỡng mộ.
- 12- Là người có sắc diện trong sáng.
- 13- Là người được mọi người tin tưởng.
- 14- Là người có ngũ quan (5 giác quan của con người) đầy đủ và tốt đẹp.
- 15- Là người có tư cách đáng kính.
- 16- Là người không có những chứng bệnh đáng ghê sợ.
- 17- Là người có trí tuệ, đời sống được an lạc.
- 18- Là người sống nơi nào cũng được an lạc.
- 19- Là người không có tai hại, không có người gây oan trái.
- 20- Là người thường được sống gần gũi với người thân yêu.

# Musā-vādā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói dối.

## 4-Điều Giới Tránh Xa Sự Nói Dối

Trích từ cuốn PHÁP HÀNH GIỚI  
Soạn giả: Tỳ Khuru Hộ Pháp  
Dhammarakkhita Bhikkhu  
(Bậc Aggamahāpaṇḍita)

- + **Musā:** Chuyện dối trá, điều không thật, vật không có thật...
- + **Vāda:** Lời nói.
- + **Veramaṇī:** Tác ý tránh xa.
- + **Sikkhāpadam:** Điều giới, giới.
- + **Samādiyāmi:** Con xin thọ trì.

\* Ví dụ: **Mình biết chuyện ấy mà nói không biết; mình không biết chuyện ấy mà nói biết...** như vậy “chuyện ấy” là chuyện musā: Lừa dối. Mình có tiền mà nói không có tiền; mình không có tiền mà nói có tiền,... như vậy “tiền” là vật musā: Lừa dối. Như vậy, musā không phải trực tiếp bằng lời nói.

\* **Người ta nói điều không thật, vật không có...** với tác ý bất thiện (tác ý ác) nói là thật, là có gọi là nói dối (musāvāda) cốt để làm cho người khác hiểu lầm.

\* **Sự nói dối này phát sinh ở thân** bằng cử động lắc đầu phủ định, gật đầu khẳng định... dù vậy, vẫn gọi là nói dối (musāvāda).

4-Người nghe tin theo sự lừa dối ấy  
(Tadattha vijānaṇaṃ)

1-Điều không thật, vật không có  
(Atthavatthu)

3-Cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động theo tâm nghĩ lừa dối của mình  
(Payoga)

2-Tâm nghĩ lừa dối  
(Visaṃvādana cittatā)



### \* Những điều không thật như:

1. Điều mình không thấy, nói tôi thấy.
2. Điều mình không nghe, nói tôi nghe.
3. Điều mình không tiếp xúc, nói tôi tiếp xúc.
4. Điều mình không biết, nói tôi biết.
5. Điều mình thấy, nói tôi không thấy.
6. Điều mình nghe, nói tôi không nghe.
7. Điều mình tiếp xúc, nói tôi không tiếp xúc.
8. Điều mình biết, nói tôi không biết.

### \* Những vật không có như:

- Vật ấy mình không có, nói tôi có.
- Vật ấy mình có, nói tôi không có, v.v...

### \* Tâm nghĩ lừa dối người nghe: Có 2 trường hợp.

- 1-Tâm nghĩ lừa dối người nghe, nhưng không gây thiệt hại đến người tin theo, thì chỉ là lừa dối mà không phạm điều giới nói dối, không cho quả tái sinh trong cõi ác giới.
- 2-Tâm nghĩ lừa dối người nghe, để gây thiệt hại đến người tin theo, thì thật là lừa dối, cho nên phạm điều giới nói dối, cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

### \* Sự cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động: Có 4 cách.

- 1-Tự mình cố gắng lừa dối bằng lời nói dối hoặc bằng thân cử động lắc đầu phủ định điều có thật, hoặc gật đầu khẳng định điều không có thật.
- 2-Sai khiến người khác lừa dối bằng khẩu hoặc bằng thân.
- 3-Viết chuyện không thật trên báo, trong thư, nói trên đài phát thanh,... lan truyền ra làm cho độc giả, thính giả, tin theo.
- 4-Viết sách nội dung không có thật, ghi âm thanh vào băng đĩa,... có tính cách lâu dài, để lừa dối độc giả, thính giả tin theo.

Người có tâm ác lừa dối người khác, nếu người khác tin theo sự lừa dối của mình, thì người ấy tạo ác nghiệp nói dối, hội đầy đủ 4 chi pháp phạm điều giới nói dối. Nhưng nếu người khác không tin theo sự lừa dối ấy, thì người ấy không đủ chi, không phạm điều giới nói dối.

(Nếu hội đầy đủ 4 chi pháp này, thì gọi là phạm điều giới nói dối. Nếu thiếu 1 trong 4 chi, thì không thể gọi là phạm điều giới nói dối.)

## Tội Nặng - Tội Nhẹ Của Sự Nói Dối

- Nếu người phạm điều giới nói dối đã gây ra sự thiệt hại nhiều đến cho người tin theo sự nói dối, thì người nói dối ấy phạm tội nặng, có thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

- Nếu người phạm điều giới nói dối không gây ra sự thiệt hại nào đáng kể đến cho người tin theo sự nói dối, thì người nói dối ấy phạm tội nhẹ, không thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

## Tính Chất Của Sự Nói Dối

\* **Đối với người tại gia cư sĩ** : Cần phải giữ gìn cho được trong sạch, thì được nhiều phước thiện cao quý. Ngược lại, nếu phạm đến giới nói dối, thì phải chịu phạm tội nặng hoặc nhẹ tùy theo sự thiệt hại đã gây ra đối với người tin theo sự lừa dối ấy. Ngay trong kiếp hiện tại người ấy bị mất uy tín đối với mọi người; nếu phạm tội nặng, thì ác nghiệp ấy có thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới trong những kiếp vị lai.

\* **Đối với bậc xuất gia là Sadi hoặc Tỳ khuru:**

- **Đối với vị Sadi:** Sự nói dối là 1 giới cấm trong 10 giới của Sadi; nếu vị Sadi nào phạm điều giới nói dối, thì vị Sadi ấy bị hư hỏng phạm hạnh, không còn là vị Sadi nữa. Nếu vị Sadi ấy biết mình không còn phạm hạnh Sadi nữa, thì nên biết phục hồi phạm hạnh Sadi trở lại, bằng cách tìm đến vị Thầy tế độ hoặc vị Đại đức Tỳ khuru, đánh lễ Ngài, xin Ngài hướng dẫn phép quy y Tam Bảo. Khi vị ấy thọ phép quy y Tam Bảo đến lần thứ ba xong, ngay khi ấy, vị ấy trở thành vị Sadi trở lại như trước.

- **Đối với vị Tỳ khuru:** Phạm điều giới nói dối có nhiều mức độ nhẹ - nặng khác nhau. Trong khi hành Tăng sự tụng giới bốn của Tỳ khuru (Bhikkhupātimokkha) một vị Tỳ khuru luật sư tụng xong mỗi phần giới, hỏi nhóm Tỳ khuru hội họp tại Sīmā đều trong sạch phải không?

+ Nếu vị Tỳ khuru nào có giới không trong sạch, mà vẫn ngồi im lặng, không nói, đó cũng là một cách lừa dối, thì vị Tỳ khuru ấy phạm điều giới dukkaṭa (tác ác).

+ Nếu vị Tỳ khuru nào nói lời không đúng sự thật, thì vị Tỳ khuru ấy phạm điều giới pācittiya (đổi trị).

+ Nếu vị Tỳ khuru nào nói lời vu khống vị Tỳ khuru khác phạm điều giới Pārājika (Bất cộng trụ), thì vị Tỳ khuru ấy bị phạm điều giới Saṃghādisesa (Tăng tàn).

+ Nếu vị Tỳ khuru nào tự nói khoe khoang pháp của bậc Thánh Nhân như chứng đắc thiên định, phép thần thông; chứng đắc Thánh Đạo-Thánh Quả và Niết Bàn mà chính mình không có, thì vị Tỳ khuru ấy bị phạm điều giới Pārājika (Bất cộng trụ) không còn phạm hạnh Tỳ khuru nữa.

Đối với vị Tỳ khuru phạm điều giới nói dối có nhiều mức độ nhẹ - nặng khác nhau, tùy theo lời nói dối.

## Nói Dối, Lừa Dối Vô Tội

Người nói dối bằng khẩu hoặc lừa dối bằng thân, nhưng không gây ra sự thiệt hại nào đến cho người tin theo lời nói dối, sự lừa dối ấy; thậm chí còn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho người tin theo lời nói dối, sự lừa dối ấy; thì người ấy không có tội, mà còn có phước thiện lớn nữa.

\* **Như câu chuyện vị quan cận thần thân tín tâu với Đức vua:**

\* **Chuyện tiền kiếp của Đức Phật Gotama là Đức Bồ Tát Pañcāvudhakumāra bị Dạ xoa tên Silesaloma bắt để ăn thịt.** Đức Bồ Tát Pañcāvudhakumāra bảo Dạ xoa rằng:

— *Này Dạ xoa, trong thân của ta có khí giới, nếu ngươi ăn thịt ta, thì khí giới của ta sẽ sát hại sinh mạng của ngươi luôn.*

Dạ xoa nghe Đức Bồ Tát nói như vậy, tin theo lời của Đức Bồ Tát, nên Dạ xoa không dám ăn thịt, mà thả Đức Bồ Tát trở về. Đức Bồ Tát Pañcāvudhakumāra nói trong thân của mình có vũ khí, danh từ khí giới mà Đức Bồ Tát sử dụng ở đây là khí giới trí tuệ (ñāṇāvudha), nhưng Dạ xoa lại tin và hiểu rằng khí giới ở đây là khí giới sát hại. Đức Bồ Tát nói lời lẽ khó hiểu, tuy Dạ xoa tin theo và hiểu sai, nhưng không gây ra sự thiệt hại đến cho Dạ xoa. Như vậy, tuy Đức Bồ Tát nói như vậy nhưng không có tội.

\* **Chuyện tiền kiếp của Đức Phật Gotama là Đức Bồ Tát khi chúa sống**

**trong rừng.** Một hôm con cá sấu bò lên bờ gặp khi chúa, nói dối lừa gạt khi chúa rằng:

— *Này chú khi, bờ sông bên kia có nhiều thứ trái cây ngon, nếu chú muốn qua bên đó thì chú lên ngồi trên lưng tôi, tôi sẽ chở chú qua bên kia.*

Con khi chúa tin theo lời của cá sấu leo lên ngồi trên lưng; cá sấu bơi ra giữa dòng sông định lặn xuống, thì khi chúa bèn hỏi rằng:

— *Này anh cá sấu, anh định cho tôi chìm trong nước để được sự lợi ích gì cho anh?*

Cá sấu nói thật rằng:

— *Này chú khi, tôi nói dối lừa gạt chú để ăn trái tim của chú.*

Khi chúa bảo rằng:

— *Này anh cá sấu, trái tim của tôi không có trong thân này, tôi đã gỡ trái tim ra và đem treo lủng lẳng trên cành cây kia kia.*

Vừa nói, khi chúa vừa đưa tay chỉ cho cá sấu thấy chùm trái cây gần bờ sông và bảo tiếp với cá sấu rằng:

— *Nếu anh muốn ăn trái tim, thì anh chở tôi vào lại bờ cây kia.*

Cá sấu nghe vậy tin theo lời của Đức Bồ Tát khi chúa, bơi vào gần bờ, Đức Bồ Tát khi chúa liền nhảy lên cành cây, sinh mạng được an toàn. Như vậy, Đức Bồ Tát khi chúa nói dối lừa gạt cá sấu, nhưng không gây sự thiệt hại nào đến cá sấu. Cho nên, tuy Đức Bồ Tát khi chúa nói dối nhưng không có tội.

\* **Một người làm cử chỉ đuổi chim, bằng cách giả làm bộ ném một vật gì, hoặc giương cung mà không có mũi tên ra hăm dọa... làm cho chim tưởng ném thật, hoặc bắn thật, chúng hoảng sợ bay đi... Đó là hành vi cử chỉ lừa dối bằng thân, nhưng không gây ra sự tai hại nào đến đối tượng bị lừa dối. Cho nên, sự lừa dối ấy vô tội.** Như vậy, nói dối bằng lời nói, hoặc lừa dối bằng thân, mà không gây ra sự thiệt hại nào đến cho người tin theo, đều là vô tội, không thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

**\* Quả ác nghiệp của người phạm điều giới nói dối**

*Trong Chú giải Khuddakapātha giảng giải về 14 quả xấu của ác nghiệp nói dối từ kiếp quá khứ như sau:*

1. Là người có ngũ quan (5 giác quan của con người) không trong sáng.
2. Là người có giọng nói không rõ, khó nghe.
3. Là người có đôi hàm răng không đều đặn, xấu xí.
4. Là người có thân hình quá mập, dị kỳ.
5. Là người có thân hình quá ốm, tong teo.
6. Là người có thân hình quá thấp, lùn tịt.
7. Là người có thân hình quá cao, lêu nghêu.
8. Là người có da thịt sần sùi, xấu xí.
9. Là người mà trong miệng thường thoát ra mùi hôi khó chịu.
10. Là người nói không ai tin theo.
11. Là người nói không ai muốn nghe.
12. Là người có cái lưỡi cứng và ngắn.
13. Là người có tâm thường thoái chí nản lòng.
14. Là người có tật nói cà lăm, hoặc bị câm điếc.

**\* Quả thiện nghiệp của người giữ điều giới không nói dối**

*Trong Chú giải Khuddakapātha giảng giải về 14 quả báu tốt của thiện nghiệp không nói dối từ kiếp quá khứ như sau:*

1. Là người có ngũ quan (5 giác quan của con người) trong sáng.
2. Là người có giọng nói ngọt ngào, dễ nghe.
3. Là người có đôi hàm răng đều đặn, đẹp đẽ.
4. Là người có thân hình không mập quá.
5. Là người có thân hình không ốm quá.
6. Là người có thân hình không thấp quá.
7. Là người có thân hình không cao quá.
8. Là người có da thịt mịn màng, mềm mại.
9. Là người mà trong miệng có mùi thơm tho thoát ra dễ chịu như mùi hoa sen.
10. Là người nói được nhiều người tin theo, không có ai ganh tỵ.
11. Là người nói được nhiều người muốn nghe.
12. Là người có cái lưỡi mềm mỏng, màu hồng như cánh hoa sen đỏ.
13. Là người có định tâm vững vàng.
14. Là người có lời nói rõ ràng, ý nghĩa sâu sắc, được nhiều người tin tưởng và tôn trọng.

# Pisunāvācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

*Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.*

## 5-Điều Giới Tránh Xa Sự Nói Lời Chia Rẽ

Trích từ cuốn PHÁP HÀNH GIỚI  
Soạn giả: Tỳ Khuru Hộ Pháp  
Dhammarakkhita Bhikkhu  
(Bậc Aggamahāpaṇḍita)

+ **Pisunā**: Phá tan sự đoàn kết, làm cho chia rẽ.

+ **Vācā**: Lời nói.

+ **Veramaṇi**: Tác ý tránh xa.

+ **Sikkhāpadaṃ**: Điều giới, giới.

+ **Samādiyāmi**: Con xin thọ trì.

**Pisunāvācā**: Lời nói làm mất tình thương yêu đoàn kết nhau, lời nói chia rẽ nhau.

\* **Ví dụ**: Hai người A và B chơi thân với nhau. Cô C thấy vậy sinh tâm ganh tỵ muốn họ chia rẽ họ. Cô C gặp người A nói rằng người B nói xấu người A. Rồi cô C gặp người B lại nói rằng người A nói xấu người B. Kết quả là người A và B khi gặp nhau không còn tin nhau nữa, họ nghi ngờ lẫn nhau và dần xa lánh nhau. *Như vậy cô C đã phạm vào điều giới nói lời chia rẽ.*

**Nói lời chia rẽ do khẩu là chính, nhưng cũng có trường hợp thuộc về phần thân**: “*Không nói mà có cử chỉ, hành động, hoặc viết thư gửi cho hai người khiến cho họ hiểu lầm nhau, rồi ghét bỏ nhau, rồi xa lánh nhau*”.



*(\*Nếu hội đủ 5 chi pháp này, thì gọi là phạm điều giới nói lời chia rẽ. Nếu thiếu 1 trong 5 chi pháp, thì không thể gọi là phạm điều giới nói lời chia rẽ.)*

### \* Tội Nặng - Tội Nhẹ Phạm Điều Giới Nói Lời Chia Rẽ

Tội nặng hoặc tội nhẹ của sự phạm điều giới nói lời chia rẽ tùy thuộc vào đối tượng người có giới đức hoặc không có giới đức.

- Nếu người có tác ý bất thiện nói lời chia rẽ giữa hai người có giới đức, thì có tội nặng; sau khi chết, do ác nghiệp này có thể cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh).

- Nếu người có tác ý bất thiện nói lời chia rẽ giữa hai người không có giới đức, thì có tội nhẹ.

### \* Quả Xấu Của Ác Nghiệp Nói Lời Chia Rẽ

Người phạm điều giới nói lời chia rẽ, có tội nặng; sau khi chết, nếu ác nghiệp này cho quả thì sẽ tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh) chịu quả khổ của ác nghiệp cho đến khi mãn quả ác nghiệp. Nếu thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm người, thì người ấy phải chịu những quả xấu của ác nghiệp nói lời chia rẽ từ trong kiếp quá khứ như sau:

- 1- Tâm thường bất hòa với bạn bè, vợ chồng, anh em, bà con...
- 2- Thường bị người khác đánh đập, bị tàn tật.
- 3- Không có bạn bè thân thiết.
- 4- Bạn bè không bền vững, sẽ bỏ nhau.
- 5- Có nhiều người không ưa thích, không thân.
- 6- Tâm thường bị ô nhiễm bởi phiền não, sống đau khổ.

### \* Quả Báo Của Thiện Nghiệp Tránh Xa Nói Lời Chia Rẽ

Đối với người thọ trì và giữ gìn điều giới tránh xa sự nói lời chia rẽ; sau khi chết, nếu thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, thì người ấy được hưởng những quả báo của thiện nghiệp không nói lời chia rẽ từ trong kiếp quá khứ như sau:

- 1- Tâm thường hòa thuận với bạn bè, vợ chồng, anh em, bà con...
- 2- Không bị người khác đánh đập, không bị tàn tật.
- 3- Có nhiều bạn bè thân thiết.
- 4- Tình bạn bè thân thiết bền vững, không bỏ nhau.
- 5- Có nhiều người thương yêu, quý mến.
- 6- Tâm ít bị ô nhiễm, sống an lạc.

# Pharusavācā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.

*Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)*

## 6-Điều Giới Tránh Xa Sự Nói Lời Thô Tục

Trích từ cuốn PHÁP HÀNH GIỚI  
Soạn giả: Tỳ Khuru Hộ Pháp  
Dhammarakkhita Bhikkhu  
(Bậc Aggamahāpaṇḍita)

- + **Pharusa:** Thô tục, phát sinh từ tâm sân.
- + **Vācā:** Lời nói.
- + **Veramaṇī:** Tác ý tránh xa.
- + **Sikkhāpadam:** Điều giới, giới.
- + **Samādiyāmi:** Con xin thọ trì.
- Pharusavācā:** Lời nói thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), phát sinh từ tâm sân.

### *Chửi rủa, mắng nhiếc bằng 2 môn*

- Chửi rủa mắng nhiếc bằng khẩu.
- Chửi rủa mắng nhiếc bằng thân.

Lời chửi rủa, mắng nhiếc phần nhiều bằng khẩu, nhưng cũng có trường hợp bằng thân như hành vi cử chỉ thô tục hoặc viết thư, viết báo, viết sách,... bằng những lời lẽ thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).

3-Đã nói lời  
chửi rủa, mắng  
nhiếc.

1-Tâm sân tức  
giận.

2-Có người bị  
chửi rủa, mắng  
nhiếc.

### Giảng Giải Về Sự Nói Lời Thô Tục

**1-Người nào nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)** với tâm sân làm khổ người khác, thì phạm điều giới nói lời thô tục.

**2-Trường hợp nói lời ngọt ngào nghe êm tai, với tác ý bất thiện (tác ý ác)** bắt nguồn từ tâm sân muốn tiêu diệt đối tượng. Ví dụ: Một người có tâm sân muốn giết người khác, nhưng nói bằng lời lẽ ngọt ngào rằng: *“Tôi sẽ giúp anh được yên giấc nghìn thu; hoặc tôi sẽ đưa anh về nơi chín suối; hoặc tôi sẽ gửi anh đi châu trời, v.v...”*. Như vậy, người ấy vẫn phạm điều giới pharusavācā: Lời nói thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).

**3- Trong Chú giải Aṭṭhasālini, giảng giải về sự nói lời thô tục rằng:** *“Cha mẹ rầy la, chửi mắng con; hoặc thầy rầy la, chửi mắng học trò,... là cốt để dạy dỗ, khuyên răn, hãm dọa muốn cho con cái, học trò trở nên người tốt, người thiện. Những lời rầy la, chửi mắng ấy hoàn toàn không có tác ý bất thiện làm hại con cái, làm hại học trò...”*. Như vậy khi cha mẹ, thầy rầy la, chửi mắng không hợp đủ chi phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc). *Cho nên cha mẹ, thầy không gọi là phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)*.

**4-Trong Phụ chú giải Tikā của Trường Bộ Kinh và Trung Bộ Kinh, giảng giải về nói lời thô tục rằng:** *“Người nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) với tâm sân, dù không có người thù mình, ghét mình, hoặc người thù ghét đã chết, người ấy vẫn hợp đủ 3 chi pháp phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), cho nên, người ấy đã phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)”*.

**\*Nếu hội đủ 3 chi pháp này, thì gọi là phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc). Nếu thiếu 1 trong 3 chi, thì không thể gọi là phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).**



**\* Lời Chửi Rủa, Mắng Nhiếc Có 10 Cách:**

**1-Hạng người (jāti): Lời mắng nhiếc gọi người thấp hèn hay người cao quý.**

*\*Hạng người thấp hèn như: Đồ tôi tớ!, đồ kẻ ăn mày!,...*

*\*Hạng người cao quý như: Thôi, ông chủ!, thôi, ông tướng!,...*

**2-Tên người (nāma): Lời mắng nhiếc gọi tên xấu hay tên đẹp.**

*\*Tên xấu như: Đồ thằng quý!, đồ con ma!,...*

*\*Tên đẹp như: Ông hoàng!, bà chúa!,...*

**3-Dòng dõi (gotta): Lời mắng nhiếc gọi dòng dõi thấp hèn hay cao quý.**

*\*Dòng dõi thấp hèn như: Con nhà ăn trộm!, con nhà lừa đảo!,...*

*\*Dòng dõi cao quý như: Con ông hoàng!, công nương!, tiểu thư!,...*

**4-Nghề nghiệp (kamma): Lời mắng nhiếc gọi nghề nghiệp thấp hèn hay cao quý.**

*\*Nghề nghiệp thấp hèn như: Đồ sát sinh!, đồ trộm cắp!, đồ tà dâm!,...*

*\*Nghề nghiệp cao quý như: Thầy dạy học!, ông làm quan!,...*

**5-Chuyên môn (sippa): Lời mắng nhiếc gọi chuyên môn thấp hay cao.**

*\*Chuyên môn thấp như: Đồ chuyên môn lừa đảo!,...*

*\*Chuyên môn cao như: Thôi, anh làm thơ hay rồi!, anh giỏi nói chữ!,...*

**6-Bệnh (ābādha): Lời mắng nhiếc gọi bệnh người hèn, bệnh người sang.**

*\*Bệnh người hèn như: Thằng bệnh lậu!, thằng bệnh nghiện ma túy!...*

*\*Bệnh người sang như: Ông bệnh đau đầu!, bà bệnh đau tim!,...*

**7-Hình dáng (liṅgika): Lời mắng nhiếc gọi hình dáng xấu hay hình dáng đẹp.**

*\*Hình dáng xấu như: Thằng lùn!, con mụn mạp!,...*

*\*Hình dáng đẹp như: Thôi, cậu công tử!; thôi, cô tiên nữ!,...*

**8-Phiền não (kilesa): Lời mắng nhiếc gọi phiền não...**

*\*Đồ tham lam!, đồ ngu ngốc!,...*

**9-Tội lỗi (āpatti): Lời mắng nhiếc gọi tội...: \*Ông đã phạm tội bất công trụ!,...**

**10-Lời thô tục (akkosa): Lời mắng nhiếc nói lời thô tục: \*Mẹ mày!, cha mày!, đồ loài súc sinh!,...**

**\* Quả Xấu Của Ác Nghiệp Nói Lời Thô Tục**

Người phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) phạm tội nặng; sau khi chết, ác nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) cho quả tái sinh trong cõi địa ngục chịu khổ, cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy. Nếu có thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, thì người ấy còn phải chịu những quả xấu của ác nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) từ trong kiếp quá khứ như sau:

1-Thường nghe những lời không hài lòng như lời chửi rủa, mắng nhiếc, v.v...

2-Có nhiều người ghét.

3-Thường bị chê trách, bị vu oan giá họa.

4-Ít được nghe những lời ngon ngọt mật thiết.

5-Đời sống nghèo nàn khổ cực.

6-Bị tàn tật câm điếc, đui mù.

**\* Quả Báo Của Thiện Nghiệp Tránh Xa Nói Lời Thô Tục**

Đối với người thọ trì điều giới, tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc); sau khi chết, thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, người ấy còn hưởng được những quả báo tốt của thiện nghiệp tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) như sau:

1- Thường được nghe những lời ngọt ngào đáng hài lòng.

2- Được nhiều người thương yêu quý mến.

3- Thường được nghe những lời tán dương ca tụng, không bị vu oan giá họa.

4- Thường được nghe những lời ngọt ngào thân thiết.

5- Đời sống an lạc hạnh phúc.

6- Có giọng nói thanh tao rất hay.

# Samhappalāpā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.

*Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời vô ích.*

+ **Sampha:** Làm mất sự lợi ích và sự an lạc. + **Palāpā:** Lời nói.

+ **Veramaṇī:** Tác ý tránh xa. + **Sikkhāpadam:** Điều giới, giới. + **Samādiyāmi:** Con xin thọ trì.

## 7-Điều Giới Tránh Xa Sự Nói Lời Vô Ích

Trích từ cuốn PHÁP HÀNH GIỚI  
Soạn giả: Tỳ Khuru Hộ Pháp  
Dhammarakkhita Bhikkhu  
(Bậc Aggamahāpaṇḍita)

### Giảng Giải Về Sự Nói Lời Vô Ích

**1-Trường hợp người nói hoặc người viết sáng tác những chuyện không có thật** thành câu chuyện để cho người nghe hoặc người đọc tin theo, say mê theo lời nói của mình, rồi họ phát sinh tâm tà kiến thấy sai chấp làm làm mất sự lợi ích, sự an lạc. Như vậy, lời nói của người ấy gọi là lời nói vô ích (*samhappalāpa*).

**2-Trường hợp người nói hoặc người viết những chuyện không có thật** để làm ví dụ trong việc giảng dạy, để giúp cho người nghe, người đọc dễ hiểu theo lời dạy ấy, thì lời nói của người ấy không gọi là lời nói vô ích.

**3-Trường hợp người nói hoặc người viết trình bày những câu chuyện có thật,** đúng theo sự thật, nhưng không đem lại lợi ích gì cho người nghe hoặc người đọc. Như vậy, lời nói của người ấy không gọi là lời nói vô ích.

**4-Trường hợp người nói hoặc người viết những câu chuyện nhằm nhí, hoang đường, không có thật,** để làm cho người nghe, người đọc say mê tiêu khiển trong chốc lát, làm mất thì giờ mà không đem lại lợi ích, gọi là lời nói vô ích (*samhappalāpa*); nhưng không gọi là lời nói dối (*musāvāda*), bởi vì người nói hay người viết không có tác ý bất thiện nói dối làm cho người nghe, người đọc tin theo rồi gây ra sự tai hại.

**5-Nếu người nói hoặc người viết những chuyện nhằm nhí, hoang đường, không có thật,** để người nghe hoặc người đọc say mê, tin theo rồi làm mất lợi ích, gây ra sự tai hại đến với họ, thì người nói hoặc người viết phạm điều giới nói lời vô ích và phạm điều giới nói dối nữa.

2-Nói lời vô ích.



1-Tác ý bất thiện nói lời vô ích.

**\* Nếu hội đủ 2 chi pháp này, thì gọi là phạm điều giới nói lời vô ích, nếu thiếu 1 trong 2 chi, thì không thể gọi là phạm điều giới nói lời vô ích.**

### \* Quả Xấu Của Ác Nghiệp Nói Lời Vô Ích

Đối với người phạm điều giới nói lời vô ích, có tội nặng, sau khi chết, do ác nghiệp nói lời vô ích cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, nga quý, súc sinh) chịu quả khổ của ác nghiệp ấy, cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy. Do nhờ thiện nghiệp khác cho quả, nếu tái sinh làm người, thì người ấy còn phải chịu những quả xấu của ác nghiệp nói lời vô ích từ trong kiếp quá khứ như sau:

- 1- Có nhiều người không tin theo lời nói của mình.
- 2- Có nhiều người không ưa thích.
- 3- Không được nhiều người kính trọng.
- 4- Không thể nói cho người khác tin theo.
- 5- Là người nghèo khổ.
- 6- Là người không có quyền lực.
- 7- Là người thiếu trí (ngu dốt).

### \* Quả Báu Của Thiện Nghiệp Tránh Xa Nói Lời Vô Ích

Đối với người thọ trì điều giới tránh xa sự nói lời vô ích, sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, thì người ấy được hưởng những quả báu của giới tránh xa sự nói lời vô ích như sau:

- 1- Có nhiều người tin theo lời nói của mình.
- 2- Có nhiều người thương yêu, quý mến.
- 3- Có nhiều người kính trọng.
- 4- Có thể nói cho người khác tin theo.
- 5- Là người sống hạnh phúc an lạc.
- 6- Là người có nhiều quyền lực.
- 7- Là người có nhiều trí tuệ, có khả năng đối đáp nhanh nhẹn.

### \* Nói Lời Vô Ích

Nói lời vô ích (niratthakathā) là nói những lời không đem lại sự lợi ích. Trong kinh Sāmaññaphalasutta([1]) Đức Phật thuyết giảng có 32 chuyện không đem lại sự lợi ích giải thoát khổ gọi là Tiracchānakathā, đó là:

- 1- Rājakathā: Nói chuyện về Đức vua, Hoàng tộc,...
- 2- Mahā mattakathā: Nói chuyện về các quan trong triều đình, trong Chính phủ.
- 3- Corakathā: Nói chuyện về bọn trộm cướp.
- 4- Senāathā: Nói chuyện về quân đội.
- 5- Bhayakathā: Nói chuyện về tai họa.
- 6- Yuddhakathā: Nói chuyện về chiến tranh.
- 7- Annakathā: Nói chuyện về vật thực: Cơm, gạo,...
- 8- Pānakathā: Nói chuyện về đồ uống.
- 9- Vatthakathā: Nói chuyện về vải, quần áo.
- 10- Mālākathā: Nói chuyện về các loại hoa, vòng hoa.
- 11- Sayanakathā: Nói chuyện về chỗ nằm, chỗ ở.
- 12- Ghandhakathā: Nói chuyện về mùi thơm, dầu thơm.
- 13- Nātikathā: Nói chuyện về bà con, dòng họ.
- 14- Yānakathā: Nói chuyện về xe cộ.
- 15- Gāmakathā: Nói chuyện về xóm làng.
- 16- Nigamakathā: Nói chuyện về quận, huyện.
- 17- Nagarakathā: Nói chuyện về thành phố.
- 18- Janapadakathā: Nói chuyện về vùng quê, ngoại thành.
- 19- Itthikathā: Nói chuyện về đàn bà.
- 20- Purisakathā: Nói chuyện về đàn ông.
- 21- Kumāarakathā: Nói chuyện về những chàng trai.
- 22- Kumārikathā: Nói chuyện về những cô gái.
- 23- Surakathā: Nói chuyện về sự can đảm.
- 24- Visikhākathā: Nói chuyện về đường xá.
- 25- Kumbatthānakathā: Nói chuyện về bến nước.
- 26- Pabbapetakathā: Nói chuyện về bà con đã qua đời.
- 27- Nānattakathā: Nói những chuyện nhảm nhí.
- 28- Lokakkhāyika: Nói chuyện về thế giới tạo thiên lập địa.
- 29- Samuddakkhāyika: Nói chuyện về đại dương.
- 30- Itibhavābhavakathā: Nói chuyện về kiếp nhỏ, kiếp lớn luân hồi.
- 31- Araññakathā: Nói chuyện về rừng.
- 32- Pabbatakathā: Nói chuyện về núi,...

### \* 10 Chuyện Có Ích (Kathāvatthu)(1)

Đức Phật dạy có 10 chuyện nên nói đem lại lợi ích, đó là:

- 1- Appicchakathā: Nói chuyện về ít tham muốn.
- 2- Santutthikathā: Nói chuyện về biết tri túc.
- 3- Parivekakathā: Nói chuyện về hoan hỷ ở nơi thanh vắng.
- 4- Asaṃsaggakathā: Nói chuyện về sự sống không chung đụng nhiều người, nên sống riêng rẽ một mình.
- 5- Vīriyārambhakathā: Nói chuyện về sự cố gắng tinh tấn giải thoát khổ.
- 6- Sīlakathā: Nói chuyện về giới trong sạch và trọn vẹn.
- 7- Samādhikathā: Nói chuyện về định vững chắc.
- 8- Paññākathā: Nói chuyện về tuệ thấy rõ chân lý Tứ Thánh Đế.
- 9- Vimuttikathā: Nói chuyện về giải thoát khỏi phiền não.
- 10- Vimuttiñāḍassanakathā: Nói chuyện về tri kiến giải thoát phiền não.

### \* Hai Phận Sự Nên Hành

Đức Phật khuyên dạy chư Tỳ khuru rằng: “Này chư Tỳ khuru, đối với các con khi gặp mặt nhau có 2 việc nên làm là: **Nói đúng pháp, hoặc nên im lặng như bậc Thánh**”.

### \* Trường Hợp Đức Phật Thuyết Pháp

Đức Thế Tôn tùy thời thuyết pháp chân lý chắc chắn đem lại sự lợi ích cho chúng sinh, nếu không đem lại sự lợi ích, thì Đức Thế Tôn không thuyết pháp. Đức Thế Tôn biết rõ 6 trường hợp, trường hợp nào nên thuyết giảng và trường hợp nào không nên thuyết giảng như sau:

- 1-Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Ngài không thuyết giảng pháp ấy.
- 2-Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ. Ngài không thuyết giảng pháp ấy.
- 3-Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ. Ngài không thuyết giảng pháp ấy.
- 4-Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, người nghe cũng không hài lòng, không hoan hỷ. Ngài không thuyết giảng pháp ấy.
- 5-Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật và đem lại sự lợi ích, nhưng người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Ngài biết tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.
- 6- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật và đem lại sự lợi ích, người nghe cũng hài lòng, hoan hỷ. Ngài biết tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.

## Micchājīvā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

*Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa cách sống tà mạng.*

### 8-Điều Giới Tránh Xa Cách Sống Tà Mạng

Trích từ cuốn PHÁP HÀNH GIỚI  
Soạn giả: Tỳ Khuru Hộ Pháp  
Dhammarakkhita Bhikkhu  
(Bậc Aggamahāpaṇḍita)



- + **Micchā:** Sai lầm, tà.
- + **Ājīvā:** Sinh mạng.
- + **Veramaṇi:** Tác ý tránh xa.
- + **Sikkhāpadaṃ:** Điều giới, giới.
- + **Samādiyāmi:** Con xin thọ trì.

**Micchājīvā:** *Sống tà mạng, nghĩa là nuôi mạng bằng thân hành ác, khẩu nói ác.*

- **Thân hành ác** là sát sinh, trộm cắp, tà dâm gọi là tà nghiệp.
- **Khẩu nói ác** là nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), nói lời vô ích gọi là tà ngữ.

**1-Người nào sống bằng những thứ vật dụng như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh... là những thứ nhu cầu cần thiết cho cuộc sống được tạo ra bằng tà nghiệp (thân hành ác), tà ngữ (khẩu nói ác), thì người ấy được gọi là sống tà mạng (micchājīvā).**

**2-Người sống bằng tà mạng do làm 5 nghề buôn bán như:**

*1-Satthavāṇijjā: Làm nghề buôn bán vũ khí giết hại chúng sinh.*

*2-Sattavāṇijjā: Làm nghề buôn bán người để làm nô lệ, làm tôi tớ.*

*3-Mamsavāṇijjā: Làm nghề giết gia cầm, gia súc để bán thịt.*

*4-Majjavāṇijjā: Làm nghề buôn bán các chất say như rượu, thuốc phiện, ma túy, thuốc lá,...*

*5-Visavāṇijjā: Làm nghề buôn bán các loại thuốc độc giết hại chúng sinh (người, các loài vật,...).*

*Và các nghề cờ bạc, nghề cá độ ăn thua,... người nào sống bằng những thứ của cải được tạo ra do những nghề bất lương như vậy, thì người ấy được gọi là sống bằng tà mạng.*

**3-Vấn: Điều giới tránh xa cách sống tà mạng, sống bằng chánh mạng như thế nào?**

Đáp: Người nào sống bằng chánh mạng là sống bằng những thứ của cải được tạo ra một cách hợp pháp, là tránh xa tà nghiệp (thân hành ác); tránh xa tà ngữ (khẩu nói ác); tránh xa 5 nghề buôn bán làm khổ chúng sinh; tránh xa nghề cờ bạc, nghề cá độ ăn thua,... Sống bằng chánh nghiệp, chánh ngữ, thì người ấy được gọi là sống bằng chánh mạng.

**4-Vấn: Một người đã tạo ra những của cải bằng tà nghiệp do thân hành ác; bằng tà ngữ do khẩu nói ác; bằng nghề buôn bán bất lương làm khổ chúng sinh, v.v... Về sau, được nghe chánh pháp, hiểu biết chánh pháp, người ấy đã tránh xa cách sống tà mạng, đã từ bỏ cách sống tà mạng, sống bằng chánh mạng. Nhưng những của cải sự nghiệp như nhà cửa ruộng đất, những thứ vật dụng, đồ dùng, v.v... đã có trước kia được tạo ra bằng tà nghiệp. Như vậy, người ấy có thể tiếp tục sử dụng những thứ của cải bất hợp pháp ấy được không? Nếu người ấy sử dụng những thứ của cải bất hợp pháp ấy, thì có gọi người ấy sống bằng tà mạng hay không?**

Đáp: Sau khi hiểu biết chánh pháp, tránh xa cách sống tà mạng, từ bỏ cách sống tà mạng, người tại gia ấy có thể tiếp tục sử dụng những thứ của cải bất hợp pháp cũ đã có từ trước kia cho đến hết (mà không tạo ra thêm những thứ của cải bất hợp pháp mới). Người ấy chỉ làm những nghề lương thiện mà thôi. Như vậy, tuy thân vẫn còn sử dụng những thứ của cải bất hợp pháp cũ còn lại, nhưng tâm người ấy đã tránh xa tà nghiệp (thân hành ác); đã tránh xa tà ngữ (khẩu nói ác); đã tránh xa các nghề buôn bán bất lương... thì không thể gọi người ấy sống bằng tà mạng, mà nên gọi người ấy sống bằng chánh mạng.

**5-Vấn: Một người thích săn bắn thú rừng hoặc thích câu cá,... xem như thú vui tiêu khiển. Vậy, người ấy có phải sống bằng tà mạng hay không?**

Đáp: Người ấy thích săn bắn thú rừng hoặc thích câu cá,... xem như thú vui tiêu khiển, không liên quan đến vấn đề nuôi mạng. Cho nên người ấy không phạm điều giới sống bằng tà mạng, mà chỉ phạm điều giới sát sinh (tà nghiệp) mà thôi. Tương tự, một người nói dối lừa gạt người khác cho vui, không liên quan đến vấn đề nuôi mạng, thì người ấy không phải sống bằng tà mạng, mà chỉ phạm điều giới nói dối (tà ngữ) mà thôi. Nếu người nào làm nghề sát sinh để nuôi mạng, thì người ấy phạm điều giới sát sinh (tà nghiệp) và phạm điều giới sống bằng tà mạng sát sinh. Nếu người nào nói dối lường gạt người khác để lấy của cải về nuôi mạng, thì người ấy phạm điều giới nói dối (tà ngữ) và phạm điều giới sống bằng tà mạng nói dối.

### \* **Bậc Xuất Gia Sống Bằng Chánh Mạng**

Bậc xuất gia là Tỳ khuru, Sadi tránh xa cách sống tà mạng, sống bằng chánh mạng cần phải thực hành theo đúng giới luật mà Đức Phật đã chế định và ban hành. Đức Phật không cho phép vị Tỳ khuru hành nghề thầy thuốc, thầy bói, thầy xem tướng số,... và các ngành nghề khác. Nếu Tỳ khuru nào làm nghề như vậy, Tỳ khuru ấy bị phạm điều giới (āpatti). Và những thứ vật dụng được phát sinh do hành nghề ấy gọi là những thứ vật dụng không hợp pháp. Do đó, vị Tỳ khuru phạm điều giới ấy không thể sử dụng được những thứ vật dụng không hợp pháp ấy, và tất cả chư Tỳ khuru khác, dù biết hay không biết, cũng không thể sử dụng được. Cho nên, vị Tỳ khuru ấy chỉ phải xả bỏ mà thôi.

Đức Phật chế định những điều giới đối với vị Tỳ khuru sống bằng tà mạng:

\* *Bởi vì sống bằng tà mạng thấp hèn*, Tỳ khuru tự khoe khoang pháp của bậc Thánh mà chính mình không có, Tỳ khuru ấy phạm điều giới Bất cộng trụ (Pārājika) (không còn phẩm hạnh Tỳ khuru nữa).

\* *Bởi vì sống bằng tà mạng*, Tỳ khuru làm mai mối cho người nam và người nữ kết hôn thành vợ chồng, Tỳ khuru ấy phạm điều giới Tăng tàn (Saṃghādisesa).

\* *Bởi vì sống bằng tà mạng*, Tỳ khuru nói gián tiếp trong chùa có vị Thánh Nhân, Tỳ khuru ấy phạm điều giới Trọng (Thullaccaya).

\* *Bởi vì sống bằng tà mạng*, Tỳ khuru không có bệnh xin vật thực ngon để dùng, Tỳ khuru ấy phạm điều giới Ưng đối trị (Pācittiya).

\* *Bởi vì sống bằng tà mạng*, Tỳ khuru độ vật thực như cơm, canh,... không đàng hoàng, Tỳ khuru ấy phạm điều giới Tác ác (Dukkata).

Để nâng cao đời sống trở nên cao thượng, tất cả những bậc xuất gia và mọi người tại gia phải nên giữ gìn giới tránh xa cách sống tà mạng, chỉ sống bằng chánh mạng mà thôi.

\* **Nhận Xét Về Ngũ Giới và Bát Giới Ājīvaṭṭhamakasīla:** Ngũ giới và bát giới ājīvaṭṭhamakasīla (giới thứ 8 sống bằng chánh mạng) là 2 loại giới **chung cho tất cả mọi người không phân biệt tôn giáo nào, dân tộc nào**. Dù thọ trì hay không thọ trì 2 loại giới này, hễ người nào phạm đến giới nào, thì người ấy vẫn bị phạm tội của giới ấy. Tội nặng hoặc tội nhẹ tùy theo tác ý bất thiện và đối tượng làm cho phạm giới.

\* **Ngũ giới là giới cơ bản của con người**, làm nền tảng để cho dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp phát sinh và phát triển. Như vậy, ngũ giới không những có một tầm quan trọng giữ gìn *duy trì địa vị con người được vững chắc mà còn nhờ thiện nghiệp này làm nền tảng nâng cao kiếp sau có thể trở thành chư thiên hoặc phạm thiên*.

\* **Giới Ādibrahmacariyakasīla Là Giới Ājīvaṭṭhamakasīla**

Trong bộ Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) gọi giới ādibrahmacariyakasīla: Giới ban đầu thực hành phạm hạnh cao thượng (thực hành Tứ niệm xứ), giới ấy chính là giới ājīvaṭṭhamakasīla gồm có 8 giới mà giới thứ 8 là tránh xa cách sống tà mạng. Trong 8 giới này có đầy đủ 3 chánh: Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. 3 chánh này thuộc về phần giới trong Bát chánh đạo. Cho nên, hành giả thực hành pháp hành Tứ niệm xứ hoặc thực hành pháp hành thiền tuệ, cần phải thọ trì giới ājīvaṭṭhamakasīla, rồi giữ gìn giới này cho được trong sạch và đầy đủ trọn vẹn, để làm nền tảng thực hành pháp hành Tứ niệm xứ hay thực hành pháp hành thiền tuệ cho được phát triển. Cho nên, giới ājīvaṭṭhamakasīla không những đóng vai trò quan trọng trong tam giới mà còn có tầm quan trọng trong pháp Siêu tam giới nữa.

\* **Bát giới ājīvaṭṭhamakasīla** có nhiều điểm đặc biệt hơn ngũ giới. 4 điều giới đầu của bát giới ājīvaṭṭhamakasīla là: Giới tránh xa sự sát sinh, giới tránh xa sự trộm cắp, giới tránh xa sự tà dâm và giới tránh xa sự nói dối có trong ngũ giới. *Còn lại 4 điều giới sau không có trong ngũ giới*.

**Trong giới ājīvaṭṭhamakasīla, gồm có đủ 3 chánh: Chánh nghiệp, chánh ngữ và chánh mạng.**

\* *Chánh nghiệp có 3 thân thiện nghiệp là:* Tránh xa sự sát sinh, trộm cắp, tà dâm.

\* *Chánh ngữ có 4 khẩu thiện nghiệp là:* Tránh xa sự nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), nói lời vô ích.

\* *Chánh mạng là tránh xa cách sống tà mạng* do thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp; chỉ sống bằng chánh mạng mà thôi.

**Bát giới ājīvaṭṭhamakasīla (giới thứ 8 sống bằng chánh mạng) cũng là giới cơ bản của con người**, không những làm nền tảng cho dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp phát sinh và phát triển, mà còn **đặc biệt để cho thiện pháp Siêu tam giới phát sinh và phát triển**. Bởi vì bát giới ājīvaṭṭhamakasīla gồm có đủ 3 chánh: Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về phần giới trong Bát Chánh Đạo.